

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Tel. (84.0299) 3852671 – 3852955 Fax. (84.0299) 3852670 – 3852958

Website: www.utxi.com.vn Email: quyenlb@utxi.com.vn; utnha@utxi.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

UTXICO



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

SÓC TRĂNG, NGÀY 06/04/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

I. Những sự kiện quan trọng:

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**
- Tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh: **UTXI AQUATIC PRODUCTS PROCESSING CORPORATION**

- Logo:



- Vốn điều lệ: 354.000.000.000 đồng
- Điện thoại: (84-0299) 3852671 – 3852955;
- Fax: (84-0299) 3852670 – 3852958;
- Website: www.utxi.com.vn;
- Email: quyenlb@utxi.com.vn; utnha@utxi.com.vn;
- Trụ sở: Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam;
- Giấy phép kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2200203836 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần thứ 16, ngày 13 tháng 8 năm 2015.

Tiền thân Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là doanh nghiệp tư nhân hoạt động chính trong lĩnh vực mua bán tôm nguyên liệu cho các nhà máy thủy sản trong và ngoài tỉnh Sóc Trăng.

Năm 2002, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức đi vào hoạt động với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh các mặt hàng thủy sản xuất khẩu.

Ngày 15/06/2006, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5903000042 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/06/2006.

Là thành viên của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP),

Thành viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI),

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là đơn vị đầu tiên của tỉnh Sóc Trăng sản xuất theo mô hình khép kín từ nuôi trồng đến chế biến và kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng



“Trụ sở chính công ty”

Địa chỉ: Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Các chi nhánh trực thuộc:

(1). Xí nghiệp Chế biến thủy sản Hoàng Phương:

Địa chỉ: Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



Giới thiệu tổng quan Xí nghiệp chế biến Hoàng Phương:

Công suất thiết kế 10.000 tấn thành phẩm/năm, công suất vận hành hiện tại 60-75%, công nhân sản xuất hiện tại 1.000 công nhân.

Vốn đầu tư: 101.699 triệu đồng, đưa vào hoạt động đầu năm 2004.

Thông tin về Xí nghiệp:

- Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương có 7.144m² mặt bằng sản xuất được bố trí linh hoạt cho nhiều dây chuyền chế biến. Được hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2003 với trang thiết bị hoàn toàn mới. Công suất xí nghiệp khoảng 10.000 tấn thành phẩm / năm.



- Phần lớn thiết bị chính được nhập khẩu từ Nhật Bản, Mỹ và Châu Âu do Searefico – đơn vị hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực thiết bị lạnh công nghiệp chế biến thủy sản – lắp đặt như:

- + Hệ thống 03 dàn cân điện tử ANRITSU nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện từ Nhật Bản với công suất 20.000 con/giờ/máy có khả năng phân thành 7 đến 12 cỡ với độ chính xác +/- 0.1gr.
- + Hệ thống 03 tủ đông gió có khả năng cấp đông 900kg thành phẩm/giờ.
- + Hệ thống 02 tủ đông tiếp xúc có công suất 1,6 tấn thành phẩm/mẻ.
- + Hệ thống 02 băng chuyền IQF siêu tốc lạnh và luộc công suất 1 tấn thành phẩm/giờ.
- + Một băng chuyền IQF xoắn tiến tiến nhập khẩu trực tiếp từ FMC Thụy Điển có khả năng cấp đông nhiều loại sản phẩm cao cấp với công suất 450kg/giờ.
- + 05 máy làm đá vảy chuyên dùng có thể sản xuất 100 tấn đá vảy/ngày.
- + 07 máy rà kim loại chuyên dụng nhãn hiệu Anritsu và Ishida của Nhật.
- + Hệ thống kho lạnh có công suất 650 tấn đảm bảo khả năng trữ lạnh ổn định ở nhiệt độ - 20 °C +/- 2.
- + Hệ thống máy phát điện dự phòng gồm 2 máy CUMIN công suất 1.041KVA nhập khẩu từ Mỹ được hòa đồng bộ, đảm bảo nguồn cung cấp điện ổn định cho sản xuất.
- + Hệ thống khai thác và xử lý nước cấp đảm bảo cung cấp nước đủ tiêu chuẩn dùng trong chế biến thủy sản xuất khẩu với công suất 1.200m³ / ngày đêm.
- + Ngoài ra còn nhiều thiết bị hỗ trợ khác được trang bị đồng bộ đảm bảo khả năng chế biến từ những mặt hàng đơn giản như tôm sú còn vỏ bỏ đầu đông block đến những mặt hàng cao cấp như tôm duỗi, tôm xiên que, tôm tẩm bột, tôm hấp chín, tôm Sushi....
- + Nhà máy có hệ thống xử lý nước thải 1.000m³/ ngày đêm.

Cuối năm 2011, Công ty tiến hành đầu tư nâng cấp, cải tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế từ sản xuất chuyên về tôm sú sang sản xuất sú và thẻ.

(2). Xí nghiệp Chế biến thủy sản Hoàng Phong:

Địa chỉ: Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.





Giới thiệu tổng quan Xí nghiệp chế biến Hoàng Phong:

Công suất thiết kế 10.000 tấn thành phẩm/năm, công suất vận hành hiện tại 70-80%, công nhân sản xuất hiện tại: 1.100 công nhân.

Vốn đầu tư: 127.047 triệu đồng, đưa vào sử dụng đầu năm 2007.

Thông tin về Xí nghiệp:

- Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong là xí nghiệp chế biến tôm đông lạnh hiện đại nhất Việt Nam hiện nay. Được hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2006, xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong là nhà máy hiện đại nhất, là niềm tự hào của toàn công ty về tính hiện đại, hợp lý hóa sản xuất và công suất chế biến với hệ thống kho lạnh khoảng 600 tấn. Công suất xí nghiệp khoảng 10.000 tấn/năm

- Một số thiết bị tiêu biểu của xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong:

+ Hệ thống máy nén MYCOM gồm 10 máy thể hệ mới nhất với tổng công suất 1.367 kw nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện từ Nhật Bản.

+ Hệ thống 03 dàn cân điện tử ANRITSU nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện từ Nhật Bản với công suất 20.000 con/giờ/máy có khả năng phân thành 7 đến 12 cỡ với độ chính xác +/- 0.1gr.

+ 03 băng chuyền IQF siêu tốc phẳng dùng để cấp đông các sản phẩm lạnh và lược công suất 1,7 tấn thành phẩm/giờ.

+ 02 băng chuyền IQF xoắn siêu tốc dùng để cấp đông các mặt hàng cao cấp như Nobashi, tôm bao bột... công suất 1 tấn thành phẩm/giờ.

+ Hệ thống đông gió (Airplast Freezer) chuyên dụng cho các sản phẩm IQF bao gồm 09 tủ liên hoàn với công suất 3,1 tấn thành phẩm /mẻ.

+ Hệ thống đông gió (Airplast Freezer) chuyên dụng cho các sản phẩm block bao gồm 06 tủ liên hoàn với công suất 2,2 tấn thành phẩm /mẻ.

+ Hệ thống máy hấp để chế biến các loại tôm ăn ngay như tôm PTO hấp, PD hấp và Sushi có công suất 1,5 tấn/ giờ.

+ 05 máy làm đá vảy chuyên dùng có thể sản xuất 150 tấn đá vảy/ngày.

+ 05 máy rà kim loại chuyên dụng nhãn hiệu Anritsu của Nhật.

+ Hệ thống kho lạnh có công suất 350 tấn đảm bảo khả năng trữ lạnh ổn định ở nhiệt độ - 220C +/- 2.

+ Hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 1.370KVA được hòa đồng bộ, đảm bảo nguồn cung cấp điện ổn định cho sản xuất.

+ Hệ thống khai thác và xử lý nước cấp đảm bảo cung cấp nước đủ tiêu chuẩn dùng trong chế biến thủy sản xuất khẩu với công suất 1.500m³ / ngày đêm.

+ Bên cạnh đó công ty còn đầu tư thêm một phòng kiểm nghiệm hiện đại có khả năng kiểm tra dư lượng kháng sinh theo phương pháp ELISA, kiểm tra vi sinh... theo những yêu cầu khắt khe của những thị trường khó tính như Nhật, Châu Âu và Mỹ.

+ Nhà máy xử lý nước thải công suất 1.500m³/ngày đêm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Dây chuyền sản xuất được trang bị mới 100%, thiết bị đồng bộ và được đầu tư mới từ đầu, áp dụng những tiêu chuẩn quản lý tiên tiến cùng với đội ngũ công nhân lành nghề, là lợi thế của Công ty Út Xi so với các đơn vị khác.

Tất cả máy móc thiết bị được theo dõi dựa trên lý lịch máy, cơ chế vận hành, kế hoạch bảo trì thể hiện các bản chỉ dẫn trước máy được quản lý bởi đội ngũ cơ điện chuyên nghiệp.

(3). Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã:

Địa chỉ: Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



Thông tin về Xí nghiệp:

Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã là kho lưu trữ hàng thành phẩm và nguyên liệu với công suất 4.500 tấn, ở nhiệt độ âm 30 ± 2 °C.

Vốn đầu tư: 43.743 triệu đồng, đưa vào sử dụng dây 3.000 tấn năm 2005 và dây 1.500 tấn sử dụng đầu năm 2008, tổng nhân sự hiện nay của Xí nghiệp là: 40 nhân sự.

Một số máy móc thiết bị Xí nghiệp:

- Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã được xây dựng hoàn thành vào cuối năm 2004, công suất thiết kế trữ hàng 3.000 tấn, với hệ thống kệ di động hiện đại, thiết bị làm lạnh nhập từ nước ngoài, nhiệt độ trong kho đảm bảo âm $30\text{°C} \pm 2$.
- Năm 2007 Công ty đầu tư mở rộng hệ thống kho lạnh Hoàng Nhã thêm 1.500 tấn và đưa vào sử dụng vào quý 2/2008 tăng khả năng trữ hàng cho 03 xí nghiệp sản xuất vào thời điểm trái vụ.
- Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã được trang bị hệ thống kệ di động rất thuận tiện cho quá trình nhập xuất hàng; cùng với 05 xe nâng hàng chuyên dùng kết hợp với phần mềm quản lý kho chi tiết cho từng vị trí từng mặt hàng trong kho tạo điều kiện tốt nhất với thời gian nhanh nhất trong quá trình nhập xuất hàng.
- Ngoài ra Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã được trang bị: 11 xe đông lạnh với tổng tải trọng có thể giao hàng cùng thời điểm là 88 tấn, 08 xe vận chuyển nguyên liệu với tổng tải trọng vận chuyển 30 tấn nguyên liệu.



+ **Tình hình hoạt động:**

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức hoạt động từ năm 2002 và có lãi từ năm thứ 2. Doanh thu và lợi nhuận qua các năm theo số liệu như sau: Doanh thu năm 2013, 2014, 2015, 2016 và năm 2017 là 1.730 tỷ đồng, 1.368 tỷ đồng, 638,6 tỷ đồng, 1,169,5 tỷ đồng và 903,5 tỷ đồng tương ứng với lợi nhuận: 11,046 tỷ đồng, 15,19 tỷ đồng, âm 75 tỷ 314 triệu, 11 tỷ 597 triệu đồng và 7 tỷ 048 triệu đồng triệu đồng. Năm 2018, doanh thu: 897,6 tỷ đồng, tương ứng với lợi nhuận: 4 tỷ 765 triệu đồng.

Sau 17 năm hoạt động (từ 2002 -2018), Công ty Cổ phần chế biến Thủy sản Út Xi đã đạt được những danh hiệu trong sản xuất kinh doanh sau:

- Cờ thi đua của Chính phủ tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua trong hai năm 2005, 2006. Bộ thương mại tặng bằng khen về thành tích xuất khẩu xuất sắc năm 2005, 2006. Bằng khen của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam về thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh và đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển cộng đồng doanh nghiệp năm 2005.
- Bằng khen của Bộ Y tế về thành tích bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động trong năm 2001 – 2005.
- Năm 2006, Công ty đạt danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc (giải pháp về thị trường xuất khẩu tốt nhất) và doanh nghiệp đạt “ thương hiệu vàng chất lượng” năm 2006; và doanh nghiệp 3 năm liên xuất khẩu uy tín năm 2004, 2005, 2006.
- Đạt thương hiệu xanh năm 2008 và 2009 do liên hiệp các khoa học kỹ thuật Việt Nam chứng nhận. Đạt giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007, 2008.
- Được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho cá nhân Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty. Và nhiều bằng khen khác của UBND tỉnh Sóc Trăng, các Bộ, ngành Trung ương và các Ban ngành cấp tỉnh cho tập thể và cá nhân trong Công ty.
- Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi đã đạt danh hiệu “thương hiệu chứng khoán uy tín” năm 2009 và 2010.

3. Định hướng phát triển:

+ **Mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Đa dạng hoá sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao là chiến lược kinh doanh của Công ty. Ngoài những sản phẩm cao cấp đang sản xuất thường xuyên cho các thị trường Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Hồng Kông.v.v., như tôm tươi, tôm hấp chín, tôm xiên que, Nobashi, tôm tẩm bột thông thường, Sushi,v.v.. theo yêu cầu của thị trường; công ty đã cơ bản hoàn thành việc lập qui trình chế biến và thống nhất qui cách với khách hàng để giới thiệu một số mặt hàng mới ra thị trường như:

- **Thị trường Châu Âu** : Ngoài các mặt hàng truyền thống hiện đang cung cấp, Công ty Út Xi tiếp tục nghiên cứu một số mặt hàng có giá vị và phối trộn: Tôm xé bướm tẩm bột dừa, Tôm xiên que tẩm gia vị với nhiều vị khác nhau như : Tôm xiên que tẩm gia vị hương tỏi, Tôm xiên que tẩm gia vị hương chanh,v.v...



- **Thị trường Mỹ:** Bánh tôm bao bột kiểu Châu Á, Tôm bao bánh trắng rế, Bắp cải cuộn nhân tôm, Khô qua nhồi tôm, v.v...
- **Thị trường Hồng Kông:** Hoành thánh nhân tôm, Nấm đông cô nhồi tôm, v.v..

Công ty cũng đang phối hợp với khách hàng Ai Cập, T&T cùng nghiên cứu giới thiệu thêm một số mặt hàng mới khác cho các thị trường này.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Đa dạng hóa các sản phẩm, xây dựng chuỗi sản phẩm tinh chế có giá trị cao vào các thị trường Nhật, Mỹ, Châu Âu, v.v... tăng tính cạnh tranh mang lại doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp. Tiếp tục cung cấp sản phẩm giá trị gia tăng cho các thị trường truyền thống, đồng thời kết hợp với các nhà phân phối lớn nghiên cứu sản phẩm đáp ứng theo thị hiếu tiêu dùng từng thị trường và vùng miền trên thế giới. Xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối chuỗi siêu thị, nhà hàng ở Mỹ thông qua Công ty T&T INTERNATIONAL SEAFOOD ở Hoa Kỳ. Đầu tư và mở rộng vùng nuôi tôm theo mô hình GAP vừa tạo nguồn nguyên liệu sạch cung ứng cho công tác chế biến vừa bảo vệ môi trường không gây hại cho cộng đồng.

Một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty:

❖ **Dòng sản phẩm tôm NOBASHI**



Nobashi EBI



Nobashi EBI



Nobashi EBI

❖ **Dòng sản phẩm tôm tươi**



Raw Butterfly



Raw HLSO



Raw HLSO EZ PEEL

❖ **Dòng sản phẩm tôm xiên que**



Double Piercing Pto Skewer



Single Piercing PD Skewer



❖ Dòng sản phẩm tôm phối trộn



Shrimp Paste Covered With Cabbage



Shrimp Paste With Bitter Melon

❖ Dòng sản phẩm tôm tẩm bột



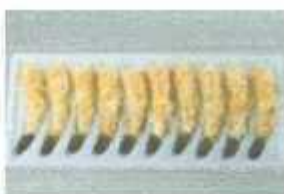
Breaded Butter Fly



Breaded PD Color



Breaded PD White



Breaded PTO Curve



Breaded PTO Straight



Coconut Breaded Butterfly

❖ Dòng sản phẩm tôm hấp chín



Cooked HOSO



Cooked PD



Cooked PTO



Cooked whole shrimp



Cooked whole shrimp



Sushi EBI



II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Về cơ cấu thành viên hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã bầu chọn các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020 với số lượng là 07 thành viên, qua đó cơ cấu thành viên HĐQT bao gồm:

Trong 07 thành viên, có 03 thành viên không trực tiếp điều hành là ông Nguyễn Triệu Dũng, Chủ tịch HĐQT và 02 thành viên HĐQT là ông Trương Trúc Linh, Quản lý đội xe Công ty và ông Nguyễn Thanh Tùng điều hành xưởng sản xuất; 04 thành viên còn lại tham gia điều hành Công ty bao gồm:

- Bà Lý Bích Quyên: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
- Ông Trương Văn Phước: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc trực;
- Ông Nguyễn Hoàng Phương: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Phụ trách sản xuất và cung ứng nguồn nguyên liệu sản xuất;
- Ông Nguyễn Hoàng Nhã Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Phụ trách đối ngoại, quan hệ khách hàng.

Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông Nguyễn Thanh Tùng làm đơn xin nghỉ việc ngày 02/7/2018 và đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT ngày 14/7/2018; ngày 25/7/2018 Hội đồng quản trị họp giải quyết đơn xin từ nhiệm và thống nhất cho ông Nguyễn Thanh Tùng thôi không còn là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 kể từ ngày 30/7/2018. Trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 sắp tới, HĐQT trình Đại hội xem xét việc không bổ sung thêm thành viên HĐQT (hiện nay còn khuyết 01 thành viên) do nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty 2015-2020 chỉ còn 01 năm nữa là phải bầu lại trong kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, việc khuyết 01 thành viên HĐQT như hiện nay, sẽ không ảnh hưởng đến việc điều hành và lãnh đạo của HĐQT trong toàn bộ hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

2. Báo cáo công tác quản lý cổ đông:

Tổng số cổ đông của Công ty hiện nay là 377 cổ đông sở hữu tổng số lượng cổ phần là 35.400.000 cổ phần, trong đó:

- 10 cổ đông là tổ chức trong nước sở hữu 8.060.505 cổ phần chiếm tỷ lệ 22,77%;
 - Cổ phiếu quỹ Công ty Út Xi sở hữu 32 cổ phần;
 - 366 cổ đông là cá nhân trong nước sở hữu 27.339.463 cổ phần chiếm tỷ lệ 77,23%;
 - Có 08 cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên trên tổng số cổ phần Công ty, sở hữu 28.797.319 cổ phần, chiếm tỷ lệ 81,34%;
 - 06 cổ đông là thành viên HĐQT sở hữu 20.486.055 cổ phần chiếm tỷ lệ 57,87%;
- Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi đã tiến hành làm thủ tục để đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định; Theo hồ sơ đăng ký chứng khoán lần đầu,



Công ty đăng ký sàn giao dịch dự kiến cho cổ phiếu UXC là sàn UPCOM. Tuy nhiên, đến hiện tại khâu chuẩn bị hồ sơ nộp đăng ký UPCOM gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vẫn chưa hoàn tất. Để tạo điều kiện cho các cổ đông thuận tiện trong việc chuyển nhượng cổ phần, Công ty cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi đã làm văn bản đề nghị Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam:

- Chuyển sàn cho cổ phiếu UXC từ sàn UPCOM sang trạng thái quản lý công ty đại chúng chưa niêm yết hay đăng ký giao dịch trong thời gian cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (sàn UPCOM).
- Cho phép các cổ đông sở hữu cổ phiếu UXC được tạm thời chuyển nhượng theo văn bản hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán nhà nước về chuyển quyền sở hữu chứng khoán của Công ty Đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở giao dịch chứng khoán trong khi chờ việc đăng ký giao dịch tại UPCOM được chính thức.

Ngày 04/01/2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) Chi nhánh TP.HCM đã chấp thuận: kể từ ngày 05/01/2018 chuyển chứng khoán UXC từ thị trường UPCOM sang quản lý tại thị trường các công ty đại chúng chưa niêm yết (ĐCCNY) trên hệ thống của VSD. Khi đã xác định được thời gian đăng ký giao dịch chính thức tại UPCOM, Công ty sẽ làm văn bản thông báo cho VSD về việc nộp hồ sơ/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán, ngày dừng thực hiện việc chuyển quyền sở hữu và ngày chốt danh sách cổ đông để lập Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán, phục vụ cho việc nộp hồ sơ niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán theo quy định.

☐ Trong cuối năm 2018, Công ty nhận được báo cáo (theo Phụ lục số 6) về ngày không còn là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE) do đã chuyển nhượng hết 1.789.411 cổ phần sang cho bà Trần Thị Thúy Liên hộ khẩu ở Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh; Như vậy kể từ ngày 28/11/2018: Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh không còn là cổ đông của Công ty, và bà Trần Thị Thúy Liên sở hữu 1.789.411 cổ phần, là cổ đông lớn với tỷ lệ nắm giữ 5,06% tổng số cổ phần UTXICO. Ngoài trường hợp nêu trên nhìn chung trong năm 2018 và các tháng đầu năm 2019, không có biến động nhiều về thành phần các cổ đông.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HDQT):

Hội đồng quản trị Công ty luôn giữ đúng việc sinh hoạt lệ, định kỳ theo Điều lệ Công ty qui định, trong trường hợp có những vấn đề cấp bách thì triệu tập họp đột xuất. Do các thành viên trong HDQT đều tập trung ở khu vực làm việc Công ty, nên các cuộc họp đều có mặt đủ các thành viên. Trong năm 2018, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 07 phiên họp (bao gồm 02 phiên họp bất thường, 05 phiên họp thường lệ) diễn ra từ tháng 5/2018 đến tháng 03/2019. Trong các cuộc họp HDQT bám sát vào các nội dung:

- Xem xét việc tái cơ cấu nguồn vốn vay và thông qua phương án vay vốn năm 2018 ở một số tổ chức tín dụng nhằm phục vụ công tác thu mua nguyên liệu sản xuất;
- Xem xét thông qua kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2018.



- Xem xét thông qua phương án và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Thông qua công tác phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020 theo cơ cấu mới;
- Phân tích, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018;
- Chỉ đạo ban điều hành và bộ phận công bố thông tin công bố kịp thời các sự kiện xảy ra ở công ty theo quy định;

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện những công việc như sau:

- Xem xét thông qua báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm, báo cáo 06 tháng cuối năm 2018 và cả năm 2018;
- Giám sát chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi công nợ đầu tư của Công ty;
- Chỉ đạo công tác kiện toàn bộ máy nhân sự, nâng cao công tác quản trị tại Công ty;
- Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu tài chính, các khoản vay và trả nợ ở Ngân hàng, tổ chức tín dụng theo Phương án kinh doanh năm 2018 đã được HĐQT thống nhất phê duyệt.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Tính đến nay, Hội đồng quản trị vẫn chưa tổ chức thành lập các tiểu ban, nhưng chỉ đạo trực tiếp các vấn đề liên quan đến nguồn vốn, công tác đầu tư, công tác cán bộ . . . qua các cuộc họp của HĐQT, qua đó Thư ký Hội đồng quản trị cập nhật đầy đủ các thông tin cần thiết để triển khai cho Ban Điều hành Công ty thực hiện; Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc phân công một số thành viên phụ trách các vấn đề liên quan đến nhân sự, chính sách phát triển và lương thưởng Công ty; Hội đồng quản trị Công ty đã nghe các thành viên được phân công nhiệm vụ báo cáo một số các nội dung như:

3.1/- Về công tác nhân sự: Do điều kiện gặp khó khăn về nguồn vốn và khâu nguyên liệu, nên chủ trương Công ty giảm lượng hàng sản xuất, xuất khẩu; tổ chức việc tinh gọn lại bộ máy quản lý nhất là khâu điều hành sản xuất, nhưng vẫn đảm bảo số lao động thường xuyên có việc làm ổn định.

3.2/- Về chính sách phát triển: Tiếp tục xây dựng đề án tổ chức liên kết với các trang trại nuôi tôm để duy trì tính bền vững trong khâu nguyên liệu cung ứng sản xuất; đồng thời liên hệ với Trung tâm xúc tiến thương mại của Tỉnh trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu sang một số nước mới nhiều tiềm năng trong tiêu thụ thủy sản.

3.3/- Về chính sách lương thưởng: Tuy có gặp khó khăn trong thu hẹp sản xuất, giảm nguồn thu ngoại tệ; nhưng chủ trương của HĐQT: đảm bảo nguồn thu nhập ổn định từ tiền lương cho người lao động, cân đối nguồn tài chính và tiếp tục duy trì việc chi lương thưởng tháng 13 cho người lao động như mọi năm.



Nhìn chung hoạt động của HĐQT trong các năm của nhiệm kỳ, được thể hiện một số mặt sau:

- ❖ Về các cuộc họp của HĐQT: tính bình quân, hàng năm HĐQT tổ chức từ 07 đến 10 cuộc họp bao gồm các cuộc họp bất thường và định kỳ; do hầu hết các thành viên HĐQT đều đang làm việc tại khu vực Công ty, nên các cuộc họp đều đầy đủ các thành viên.
- ❖ Trong các cuộc họp đều tập trung vào một số điểm gồm: đánh giá tình hình hoạt động quản trị hàng năm; thông qua kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính hàng năm; Xem xét việc tái cơ cấu nguồn vốn, phương án vay vốn hàng năm; Thông qua kế hoạch và phương án kinh doanh của năm tiếp theo...
- ❖ Về hoạt động giám sát của HĐQT: Giám sát các hoạt động của Ban Điều hành Công ty tập trung vào các điểm: giám sát chỉ đạo sản xuất kinh doanh; Xem xét, thông qua báo cáo tài chính hàng quý, nửa năm và hàng năm; Công tác thu hồi công nợ đầu tư; Giám sát các chỉ tiêu tài chính, các khoản vay; Chỉ đạo công tác nhân sự, kiện toàn bộ máy...

4. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2018:

Năm 2018 và 03 tháng đầu năm 2019, Hội đồng quản trị đã đề ra nhiều định hướng, các giải pháp hỗ trợ cho Ban Điều hành Công ty trong việc chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, cụ thể như:

- 1/- Cân đối nguồn vốn phù hợp tập trung việc thu mua và dự trữ nguyên liệu đảm bảo đủ về chất lượng và số lượng cung cho chế biến xuất khẩu.
- 2/- Tích cực tìm nguồn vốn bổ sung cho kế hoạch tài chính của Công ty, thông qua mối liên kết với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn Tỉnh và ở các tỉnh trong Khu vực, nhằm đáp ứng cho nhu cầu thu mua nguyên liệu, mở rộng công tác sản xuất, tăng sản lượng xuất khẩu.
- 3/- Giữ vững và nâng cao các hệ thống quản lý chất lượng đã được các tổ chức quốc tế và Việt nam chứng nhận; giữ vững các thị trường truyền thống.
- 4/- Tích cực mở rộng vào các thị trường mới thông qua mối quan hệ với các khách hàng truyền thống; đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm tại những thị trường mới khai thác.

Nhìn chung, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, vẫn giữ ở mức khả quan và đạt kết quả có lãi tuy không bằng năm 2017, đồng thời không thực hiện đạt được chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua; cụ thể: về chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 38,133,198 USD = 63,34 % so với kế hoạch đề ra là 60,200 triệu USD, về doanh thu và lợi nhuận bao gồm:

- ☒ Trong năm 2018, doanh thu đạt 897,6 tỷ đồng, giảm 0,65% so với doanh thu thực hiện năm 2017 (đạt 903,5 tỷ đồng).
- ☒ Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty là 4 tỷ 765 triệu đồng, giảm 32,4% so với lợi nhuận thực hiện năm 2017 (đạt 7 tỷ 048 triệu đồng). Lãi cơ bản trên 01 cổ phiếu: 135 giảm 24,6% so với năm 2017 (đạt 179).



Hội đồng quản trị Công ty nhận định: trong năm 2018 Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn do khách quan tác động đến như: dịch bệnh trên tôm nuôi kéo dài ở các ao nuôi; Đối với nguồn vốn, các Ngân hàng và các tổ chức tín dụng tiếp tục việc thắt chặt khoản vay, duy trì việc rút vốn ở rất nhiều doanh nghiệp trong đó có Công ty Út Xi, điều này đã ảnh hưởng đến việc thiếu vốn kéo dài, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Nhận xét trong năm 2019, doanh nghiệp cũng sẽ còn gặp phải một số khó khăn tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, ngay từ đầu năm 2019 Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban Điều hành xây dựng định hướng, vạch kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết trong từng quý và cả năm, căn cứ vào khả năng huy động nguồn vốn cung cho sản xuất, dự kiến nguồn nguyên liệu nhất là tôm sú nhằm cung cho sản xuất, làm cơ sở để ký các hợp đồng xuất khẩu trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

Chỉ đạo Ban điều hành các Xi nghiệp, lãnh đạo các Phòng ban trực thuộc Công ty, cần có kế hoạch cụ thể trong việc bố trí nhân sự phù hợp với điều kiện hoạt động của từng đơn vị, đảm bảo hoàn thành được kế hoạch do Lãnh đạo Công ty giao cho đơn vị cơ sở; Phát động các phong trào thi đua và nâng cao ý thức tiết kiệm trong tất cả các hoạt động, nhằm góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh trong kinh doanh đối với sản phẩm UTXICO trên thị trường các nước.

Cụ thể một số chỉ tiêu trọng điểm mà Hội đồng quản trị giao cho Ban Điều hành Công ty thực hiện trong năm 2019, bao gồm:

◆ Khối lượng sản xuất:	6.500 tấn thành phẩm;
◆ Doanh thu xuất khẩu:	50,850,000 USD;
◆ Doanh thu hàng nội địa:	15 tỷ đồng;
◆ Tổng doanh thu:	1.200 tỷ đồng;
◆ Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt:	17,8 tỷ đồng;

Nhìn lại trong năm 2018, tập thể Hội đồng quản trị Công ty đã thể hiện sự cố gắng trong trách nhiệm của mình theo sự tin nhiệm và kỳ vọng của cổ đông đối với sự phát triển của doanh nghiệp; Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo đối với Ban điều hành Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, luôn vì lợi ích cao nhất của cổ đông lên trên hết, đáp lại sự tin tưởng của cổ đông vào Hội đồng quản trị trong thời gian vừa qua.

Sau kết quả hoạt động trong năm 2018, Hội đồng quản trị nhận thấy cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa, tận dụng mối quan hệ đối với các tổ chức tín dụng, khách hàng truyền thống, cũng như các nguồn khác, nhằm tích cực huy động được nhiều nguồn vốn để khôi phục lại sản xuất, đáp lượng nguyên liệu tương ứng cung đủ cho năng suất thiết kế của hai nhà máy chế biến, qua đó sẽ giữ chân được người lao động, nâng cao đời sống cho cán bộ, công nhân viên Công ty; Có nâng cao sản lượng xuất khẩu mới dần bù đắp lại các khoản lỗ năm trước, dần từng bước tích lũy lợi nhuận, lấy lại niềm tin của cổ đông Công ty.



III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc:

1. Phân tích hoạt động năm 2018:

- Năm 2018 vẫn tiếp tục là năm gặp nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản, do hầu hết giá cả các mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho nhu cầu sản xuất biến động theo chiều hướng tăng; năm qua kinh tế thế giới chưa thực sự phục hồi tốt cùng với chính sách bảo hộ sản xuất ở các nước nhập khẩu, tạo nhiều rào cản kỹ thuật, đưa ra nhiều chính sách bất lợi cho nhà xuất khẩu, như chính sách chống phá giá, tăng cường mức độ kiểm vi sinh, kháng sinh; trong khi đó nguồn nguyên liệu cung cho chế biến gặp khó khăn lớn trong đó lượng tôm sú giảm sút lớn do thất mùa trên diện rộng, nguồn nguyên liệu thay thế là tôm thẻ thì dao động thất thường; lãi suất ngân hàng vẫn còn ở mức cao cộng với việc một số tổ chức tín dụng, ngân hàng thắt chặt tín dụng rút vốn vay ở các doanh nghiệp, trong đó Công ty Út Xi bị rút vốn hơn 200 tỷ ...; Chính các yếu tố đó đã dẫn đến việc khó khăn trong việc hoàn thành được kế hoạch trong năm 2018, cụ thể:

- Trong năm 2018, tổng doanh thu thuần là 897,6 tỷ đồng đạt 61,48% so kế hoạch là 1.460 tỷ, giảm 0,65% so với doanh thu thực hiện năm 2017 (đạt 903,5 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2018 là: 4 tỷ 765 triệu đồng giảm 32,4% so với năm 2017 (đạt 7 tỷ 048 triệu). Lãi cơ bản trên 01 cổ phiếu: 135 giảm 24,6% so với năm 2017 (đạt 179). Tổng giá trị tài sản tại thời điểm ngày 31/12/2018 là 1.168,0 tỷ đồng, giảm 0,13% so với đầu năm 2018 (đạt 1.169,5 tỷ đồng).

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

2.1. Tình hình chung:

Ngay từ đầu năm 2018, hầu hết các doanh nghiệp thủy sản trên địa bàn Tỉnh Sóc Trăng đều gặp những khó khăn bất lợi: từ nguồn nguyên liệu khan hiếm, giá tăng đột biến – đến việc lực lượng lao động thiếu hụt một cách trầm trọng, đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất của các doanh nghiệp khi vào vụ mùa. Nhận định về tình hình khó khăn trên, tập thể Ban Lãnh đạo Công ty đã cố gắng vượt qua những khó khăn, chỉ đạo sâu sát các nhiệm vụ dưới đây nhằm thúc đẩy công tác sản xuất kinh doanh, bao gồm:

- Việc huy động nguồn nguyên liệu cung cho sản xuất: Công ty đã cố gắng huy động lượng nguyên liệu thông qua các hợp đồng tiêu thụ thủy sản ký với các trang trại, hộ nuôi tôm từ cuối năm 2018 và hợp đồng với các doanh nghiệp các Tỉnh lân cận để cung cấp, ít nhiều có thể đảm bảo nguyên liệu đủ cung cho sản xuất; tuy nhiên về giá nguyên liệu: do ảnh hưởng thời tiết, dịch bệnh, nguồn nước đã ảnh hưởng đến các vụ nuôi, sản lượng thu hoạch thấp nên giá nguyên liệu không ổn định có chiều hướng tăng dần, điều này đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả mang lại trong sản xuất kinh doanh; nguồn nguyên liệu tôm sú, mặt hàng chính có giá trị xuất khẩu mang lại hiệu quả cao trong nhiều năm của Công ty đã không ổn định về số lượng, chất lượng và size cỡ, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận mang lại cho đơn vị trong năm qua.

- Về lực lượng lao động: như các năm trước đây cứ sau Tết nguyên đán, lao động lại thiếu hụt với số lượng lớn và kéo dài nhiều tháng trong mùa vụ, bằng nhiều hình thức tuyên dụng cũng như các chính sách thu hút tạo động, ít nhiều Công ty cũng tạm khắc phục được khó khăn về lao động trong những thời điểm cần tập trung lao động cho yêu cầu sản xuất.



- Về nguồn vốn: do ảnh hưởng từ việc một số doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh mất khả năng thanh toán, nên các tổ chức tín dụng đã rút vốn ở rất nhiều doanh nghiệp trong đó có Công ty Út Xi, cộng với lãi suất ngân hàng vẫn còn ở mức cao, các yếu tố này đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; Lãnh đạo Công ty đã phải nỗ lực vận thân bằng nhiều cách nhằm huy động được nguồn vốn tập trung cho thu mua nguồn nguyên liệu cung cho sản xuất, đảm bảo duy trì sản xuất ổn định và thực hiện theo kế hoạch các đơn hàng đã ký trong năm 2019.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Trong năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được một số mặt sau:

1/- Sản xuất: Tổng cộng chế biến lượng hàng tôm đông là: **6.289,4 tấn**.

2/- Hàng nội địa:

- Tổng lượng hàng bán: 71,6 tấn
- Giá trị hàng bán: 18,9 tỷ;
- Thị trường tiêu thụ: TP.HCM, Sóc Trăng và các Tỉnh, Thành phố trong vùng.

3/- Xuất khẩu:

- + Tổng lượng hàng xuất khẩu: **3.873,8 tấn**
- + Giá trị kim ngạch xuất khẩu: **38,133,198 USD** đạt 63,34 % kế hoạch.

4/- Thị trường xuất khẩu trong năm 2018:

Các thị trường lớn bao gồm: Mỹ: chiếm 43,57% giá trị xuất khẩu của Công ty, Châu Âu: 22,95%, Nhật: 21,68%; Trung Quốc: 11,36% và Thị trường khác chiếm 0,19%.

5/- Kết quả thực hiện trong năm 2018:

- Tổng doanh thu thuần: 897 tỷ 628 triệu;
- Tổng chi phí: 892 tỷ 863 triệu;
- Lợi nhuận sau thuế: 4 tỷ 765 triệu;
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 135.

3. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Căn cứ chỉ tiêu được Hội đồng quản trị Công ty giao, Ban Điều hành dự kiến kế hoạch thực hiện công tác sản xuất kinh doanh trong năm 2019 với các chỉ tiêu như sau:

- ◆ Khối lượng sản xuất: 6.500 tấn thành phẩm;
- ◆ Doanh thu xuất khẩu: 50,850,000 USD;
- ◆ Doanh thu hàng nội địa: 15 tỷ đồng;
- ◆ Tổng doanh thu: 1.200 tỷ đồng;
- ◆ Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt: 17,8 tỷ đồng.



Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2019.

Để đảm bảo thực hiện đạt kế hoạch đề ra trong năm 2019, Ban Điều hành cần tập trung thực hiện các mặt công tác như sau:

Kế hoạch thực hiện:

*** Về Kế hoạch huy động nguồn vốn, phục vụ cho yêu cầu phát triển Công ty:**

- Căn cứ theo kế hoạch kinh doanh năm 2019 được Hội đồng quản trị đã thống nhất và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 20/04/2019, Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc cố gắng tập trung huy động mọi nguồn lực về vốn và tài sản, cộng với việc huy động các khoản vay tín dụng đã được các Ngân hàng và tổ chức tín dụng khu vực tỉnh Sóc Trăng đồng ý trên kế hoạch, sẽ góp phần vào công tác thu mua nguồn nguyên liệu đáp ứng nhu cầu kế hoạch chế biến và xuất khẩu trong năm 2019.

*** Cũng cố, sắp xếp lại công tác tổ chức và kiểm soát tốt chi phí sản xuất:**

- Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc sẽ sắp xếp tổ chức bộ máy quản trị sản xuất cho phù hợp với tình hình phát triển mới. Tinh gọn bộ máy quản lý, bố trí phù hợp từng vị trí trong hoạt động sản xuất hướng đến quản trị hiệu quả trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ cho từng hoạt động sản xuất, tránh những lãng phí không cần thiết, từng bước nâng cao công tác quản trị sản xuất mang lại lợi ích cho đơn vị, góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

*** Tăng sản lượng, tăng mặt hàng và thị trường xuất khẩu, tiếp tục triển khai kế hoạch tiêu thụ mạnh sản phẩm UTXICO tại thị trường nội địa:**

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung các thiết bị phụ trợ trong dây chuyền sản xuất của Xi nghiệp Hoàng Phương và Xi nghiệp Hoàng Phong, nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm và tăng năng suất cũng như sản lượng, đồng thời đảm bảo chế biến những mặt hàng mới theo yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu UTXICO ngay tại thị trường nội địa. Qua các năm doanh thu nội địa tăng nhanh, cùng với cơ cấu lợi nhuận trên doanh thu khá cao (từ 05% đến 10%) và ít rủi ro, đây sẽ là nguồn thu nhập tương đối lớn, góp phần vào tổng thu nhập của Công ty nếu khai thác tốt thị trường này.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu: Ngoài những thị trường truyền thống hiện nay như: Nhật, Hoa Kỳ, Trung quốc các nước Châu Âu, Úc – Công ty đang hướng ra thị trường các nước Đông Âu, Châu Á, và các nước Ả Rập – dựa trên sản phẩm đa dạng, chất lượng và sản lượng xuất khẩu của Công ty trong tương lai. Tăng cường đẩy mạnh các sản phẩm sang thị trường Mỹ, do tại đây đã có đối tác là Công ty T&T sẽ tổ chức việc tiêu thụ sản phẩm UTXICO tại các siêu thị, Nhà hàng, v.v. . tại Hoa Kỳ.

*** Xây dựng vùng nguyên liệu và thu mua nguyên liệu phục vụ cho sản xuất:**

+ Tập trung vào các vùng nuôi hiện nay do Bộ phận Đầu tư theo dõi quản lý, xây dựng các ao nuôi thí điểm: phục vụ cho việc áp dụng các tiêu chuẩn GAP cho vùng nuôi.



- + Liên kết 3 nhà: Hộ nuôi tôm – Ngân hàng – Công ty, trong đó: Ngân hàng sẽ tiếp cận với các hộ nuôi tôm, thông qua giới thiệu của Công ty, sau khi thẩm định sẽ đầu tư vốn, thức ăn, con giống (có chọn lọc), Công ty tổ chức kỹ sư đến các hộ nuôi để tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ về mặt kỹ thuật - tổ chức thu mua sản phẩm; các hộ nuôi lo ao nuôi, trực tiếp nuôi tôm và có nghĩa vụ hoàn vốn và lãi cho Ngân hàng.
- + Tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, nhằm ngăn chặn kịp thời dư lượng chất kháng sinh theo qui định, kiểm soát hơn nữa Ethoxyquin ở thị trường Nhật và các thị trường khó tính khác.
- + Dự kiến được tình hình thiếu hụt nguồn nguyên liệu chính là: tôm sú do mất mùa và sụt giảm gần 70% diện tích ao nuôi tôm sú trong tỉnh chuyển sang nuôi tôm thẻ; Công ty đã có kế hoạch chuyển đổi sang một số loại nguyên liệu khác như: tôm thẻ, các loại tôm biển, thông qua việc triển khai các mẫu sản phẩm mới theo nguồn nguyên liệu đã chuyển đổi, chào hàng và đã nhận được những hợp đồng mới từ phía khách hàng, trên cơ sở đó đại diện Công ty đã ký hợp đồng với một số đơn vị ở khu vực miền trung cung cấp nguyên liệu cho Công ty trong thời gian tới.

Những khó khăn từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu vẫn tiếp diễn, dự kiến doanh nghiệp sẽ tiếp tục gặp những khó khăn và bất lợi trong năm 2019. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến quá trình phát triển cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Nhưng bằng sự nỗ lực và quyết tâm cao của tập thể Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên, hy vọng trong thời gian tới, Công ty Út Xi sẽ đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

IV. Báo cáo tài chính năm 2018:

Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kế toán Phía Nam (AASCS):



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ 16 ngày 13/08/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 354.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2018 : 354.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chế biến và xuất khẩu thủy sản

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- Xây dựng nhà các loại
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Buôn bán thủy sản
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Xây dựng công trình đường bộ
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Cho thuê xe có động cơ
- Chế biến và bảo quản rau quả
- Buôn bán rau, quả
- Buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản

4. Mô hình hoạt động

Công ty có các đơn vị thành viên trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
- Xi nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phương	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp Kho vận Hoàng Nhà	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xi nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phong	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
 Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
 Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Triệu Đông	Chủ tịch
Bà	Lý Bích Quyên	Thành viên
Ông	Trương Văn Phước	Thành viên
Ông	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên
Ông	Trương Trúc Linh	Thành viên
Ông	Nguyễn Hoàng Nhà	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà	Lý Bích Quyên	Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trương Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Hoàng Nhà	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông	Đào Trường Hận	Trưởng ban
Ông	Lê Thanh Sơn	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Lực	Thành viên

Đại diện pháp luật

Bà	Lý Bích Quyên
----	---------------

Kế toán trưởng

Ông	Đỗ Thành Nhơn
-----	---------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2018, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018.

Duyệt, ngày 15 tháng 03 năm 2019

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Nguyễn Triệu Đông

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 03 năm 2019

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

Lý Bích Quyền



Số: 224/BCKT/TC/2019/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: - **Cố đông Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi**

- **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi**
- **Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi, được lập ngày 12/02/2019, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 15 tháng 05 năm 2019
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)



Dương Thị Quỳnh Hoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0424-2018-142-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Vũ

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0699-2018-142-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.002.355.084.458	981.363.357.565
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.764.117.668	315.044.145
1. Tiền	111		9.764.117.668	315.044.145
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.466.073.065	15.504.818.072
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	15.466.073.065	15.504.818.072
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		381.071.750.695	366.430.711.567
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	265.161.091.966	247.945.176.387
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		86.259.473.616	72.412.703.037
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	38.249.851.630	53.986.818.407
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.598.666.517)	(7.913.986.264)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	590.428.129.551	594.110.186.849
1. Hàng tồn kho	141		590.428.129.551	594.110.186.849
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.625.013.479	5.002.596.932
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		210.538.643	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.227.089.527	4.838.160.459
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	187.385.309	164.436.473
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165.735.828.725	188.180.523.910
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

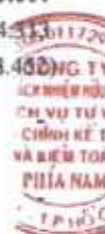
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		142.741.506.457	164.830.905.481
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	113.623.810.319	128.948.299.620
- Nguyên giá	222		347.615.725.864	353.387.874.603
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(233.991.915.545)	(224.439.574.983)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	29.117.696.138	35.882.605.861
- Nguyên giá	228		29.370.054.590	36.134.964.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(252.358.452)	(252.358.452)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	22.652.323.992	22.652.323.992
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.652.323.992	22.652.323.992
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		275.552.420	369.553.580
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	921.580.000	921.580.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(646.027.580)	(552.026.420)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		66.445.856	327.740.857
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	66.445.856	327.740.857
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.168.090.913.183	1.169.543.881.475



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		859.107.790.226	864.582.991.457
I. Nợ ngắn hạn	310		760.968.990.226	804.948.991.457
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	79.713.670.998	59.470.403.957
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	4.506.012.749
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.952.956.587	2.954.047.887
4. Phải trả người lao động	314		4.348.226.000	4.896.034.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	149.410.192.464	98.223.693.916
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	25.382.964.665	8.515.460.618
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	497.429.045.695	625.356.208.715
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.731.933.817	1.027.129.615
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		98.138.800.000	59.634.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	98.138.800.000	59.634.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		308.983.122.957	304.960.890.018
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	308.983.122.957	304.960.890.018
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		484.047.273	484.047.273
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(320.000)	(320.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.647.250.695	7.294.848.594
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(53.147.855.011)	(75.398.745.470)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(57.912.923.934)	(63.865.727.870)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.765.068.923	7.048.042.021
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.168.090.913.183	1.169.543.881.475

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thành Nhơn

Lý Bích Quyên

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	900.021.664.119	960.427.850.534
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.393.464.360	56.885.494.666
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		897.628.199.759	903.542.355.868
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	759.032.322.512	785.981.848.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		138.595.877.247	117.560.507.827
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.588.195.964	2.364.056.500
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	77.005.736.597	57.362.636.256
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.722.017.765	53.153.733.847
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	48.085.828.068	45.394.768.561
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	12.329.945.045	10.657.254.041
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		4.762.563.501	6.509.905.476
11. Thu nhập khác	31	VI.6	811.585.228	812.782.831
12. Chi phí khác	32	VI.7	809.079.806	274.646.286
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.505.422	538.136.545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.765.068.923	7.048.042.021
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.765.068.923	7.048.042.021
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	135	179
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	135	179



Lập ngày 12 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Thành Nhơn

Lý Bích Quyên

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề,
tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày
31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		752.751.137.634	842.783.011.578
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(568.159.177.457)	(638.006.894.982)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(58.285.171.000)	(47.819.386.580)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(12.535.519.217)	(14.125.122.117)
5. Thuế TNDN đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		127.178.918.965	54.155.793.038
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(140.618.831.225)	(101.109.226.699)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		100.331.357.700	95.878.174.232
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(830.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.877.084.182	90.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		41.555.245	500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		839.680.773	1.019.282
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.928.320.200	591.928.373
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề,
tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày
31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)***Năm 2018**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
3. Tiền thu từ đi vay	33		589.420.175.138	723.031.735.660
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(678.842.538.158)	(817.677.734.554)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(89.422.363.020)	(94.645.998.894)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		12.837.314.880	1.824.103.711
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		315.044.145	756.214.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.388.241.357)	(2.265.273.959)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		9.764.117.668	315.044.145

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2019

Tăng Giám đốc

Đỗ Thành Nhơn

Lý Bích Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ 16 ngày 13/08/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 354.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2018 : 354.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chế biến và xuất khẩu thủy sản

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
- Xây dựng nhà các loại
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Buôn bán thủy sản
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Xây dựng công trình đường bộ
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Cho thuê xe có động cơ
- Chế biến và bảo quản rau quả
- Buôn bán rau, quả
- Buôn bán thực phẩm và nguyên liệu làm thực phẩm gia súc, gia cầm và thủy sản

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có

6. Mô hình hoạt động

Công ty có các đơn vị thành viên trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phương	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp Kho vận Hoàng Nhà	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phong	Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng





Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phân ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kê toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kê toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).





Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bó, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05-30 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 05-10 năm |
| - Tài sản vô hình và các tài sản khác | 05-25 năm |





Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

6. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phân ảnh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuế tài chính được phân ảnh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuế tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuế tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.





Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành có phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thẳng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cần nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.





Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) đo giảm giá trị hoặc đo không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	2.039.579.941	101.909.302
Tiền mặt VND	2.039.579.941	101.909.302
Tiền gửi ngân hàng	174.537.727	213.134.843
Tiền gửi VND	35.174.288	49.721.066
Tiền gửi ngoại tệ	139.363.439	163.413.777
Tiền đang chuyển	7.550.000.000	
Ngân hàng Ngoại thương tỉnh Sóc Trăng	7.550.000.000	
Cộng	9.764.117.668	315.044.145

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Các khoản đầu tư ngắn hạn khác (trại tôm)				
+ Công Ty TNHH Thanh Bình	8.089.763.223	8.089.763.223	8.089.763.223	8.089.763.223
+ DNTN Phương Hà	1.993.331.767	1.993.331.767	1.993.331.767	1.993.331.767
+ Lê Hoàng Nam	3.610.655.632	3.610.655.632	3.610.655.632	3.610.655.632
+ Các đối tượng khác	1.772.322.443	1.772.322.443	1.811.067.450	1.811.067.450
Cộng	15.466.073.065	15.466.073.065	15.504.818.072	15.504.818.072

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
CTy CP ĐT& PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	921.580.000	646.027.580	275.552.420	921.580.000	552.026.420	369.553.580
Cộng	921.580.000	646.027.580	275.552.420	921.580.000	552.026.420	369.553.580

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Báo cáo tài chính

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
+ Công Ty TNHH TP Năng Đại Dương	2.259.447.565	2.259.447.565
+ BEAVER STREET FISHERIES, INC	53.290.096.200	30.783.580.542
+ Công Ty TNHH Lợi Hoa	-	8.158.030.000
+ MAZZETTA COMPANY LLC	10.654.062.442	10.428.555.289
+ T & T INTERNATIONAL SEAFOOD, INC	51.893.503.463	47.987.746.165
+ ARISTA INDUSTRIES INC	7.083.900.000	-
+ CHICKEN OF THE SEA	3.305.820.000	-
+ TOKYO KYOKUICHI CO.,LTD	3.360.957.744	-
+ OCEAN ROAD CO.,LTD	2.054.682.880	31.060.877.760
SHUN MAO YI YOU XIAN GONG SI	29.983.512.514	17.481.069.840
+ MILLION (Far East) Limited	2.166.485.805	-
+ Các đối tượng khác	99.108.623.353	99.785.875.220
Cộng	265.161.091.966	247.945.176.387

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	38.249.851.630	-	53.986.818.407	-
- Tạm ứng	229.114.518	-	238.089.518	-
+ Nguyễn Văn Lực	-	-	3.238.518	-
+ Lê Thanh Sơn	22.050.000	-	73.050.000	-
+ Phạm Thanh Huy	137.936.000	-	54.411.000	-
+ Tăng Thị Tú Loan	-	-	40.000.000	-
+ Nguyễn Văn Luận	7.000.000	-	-	-
+ Lý Thế Trường	2.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Huy Bình	5.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác	55.128.518	-	67.390.000	-
- Phải thu khác	38.020.737.112	-	53.748.728.889	-
+ Bà Huỳnh Thị Mai	4.965.154.285	-	4.965.154.285	-
+ Công Ty TNHH Thanh Bình	4.973.145.971	-	4.973.145.971	-
+ Công Ty TNHH MTV Vy Khang	-	-	3.941.210.841	-
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	4.673.534.468	-	11.375.032.038	-
+ Bà Trương Nguyễn Phương Vy	10.946.400.000	-	14.283.200.000	-
+ Ông Lê Hoàng Nam	-	-	1.748.359.694	-
+ Ông Nguyễn Thái Nguyễn	-	-	1.220.400.000	-
+ DNIN Phương Hà	-	-	1.794.085.337	-
+ Các đối tượng khác	12.462.502.388	-	9.448.140.523	-
Cộng	38.249.851.630	-	53.986.818.407	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	8.598.666.517	-	8.478.848.155	-
<i>Chi tiết:</i>				
+ Chung Phước Thành	229.007.618	-	229.007.618	-
+ Huỳnh Xuân Phong	960.425.932	-	960.425.932	-
+ Lương Văn Hùng	1.859.904.934	-	1.859.904.934	-
+ Quách Tấn Tài	755.309.232	-	755.309.232	-
+ Trần Hữu Hậu	329.058.127	-	329.058.127	-
+ Trương Bích Tô	291.409.722	-	291.409.722	-
+ Công Ty TNHH TP Năng Đại Dương	2.259.447.565	-	2.259.447.565	-
+ Đối tượng khác	1.914.103.388	-	1.794.285.025	-
Cộng	8.598.666.517	-	8.478.848.155	-

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.947.367.469	-	1.466.719.409	-
- Công cụ, dụng cụ	4.651.013.068	-	4.791.454.249	-
- Chi phí SXKD dở dang	1.243.468.178	-	3.010.183.440	-
- Thành phẩm	582.586.280.836	-	584.841.829.751	-
Cộng	590.428.129.551	-	594.110.186.849	-

7. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Xây dựng cơ bản	22.652.323.992	22.652.323.992
- Văn phòng công ty	22.652.323.992	22.652.323.992
Cộng	22.652.323.992	22.652.323.992

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bó, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bó, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	174.767.450.640	155.480.055.887	14.426.999.579	2.831.840.775	5.881.527.722	353.387.874.603
Số tăng trong năm	-	126.020.000	1.054.698.182	-	-	1.180.718.182
- Mua trong năm	-	126.020.000	1.054.698.182	-	-	1.180.718.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	6.952.866.921	-	-	6.952.866.921
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thảm lý, nhượng bán	-	-	6.952.866.921	-	-	6.952.866.921
Số dư cuối năm	174.767.450.640	155.606.075.887	8.528.830.840	2.831.840.775	5.881.527.722	347.615.725.864
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	94.049.963.681	108.312.498.544	13.921.535.338	2.570.523.901	5.585.053.519	224.439.574.983
Số tăng trong năm	6.192.986.960	9.511.802.561	366.234.641	165.797.013	268.386.308	16.505.207.483
- Khấu hao trong năm	6.192.986.960	9.511.802.561	366.234.641	165.797.013	268.386.308	16.505.207.483
Số giảm trong năm	-	-	6.952.866.921	-	-	6.952.866.921
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thảm lý, nhượng bán	-	-	6.952.866.921	-	-	6.952.866.921
Số dư cuối năm	100.242.950.641	117.824.301.105	7.334.903.058	2.736.320.914	5.853.439.827	233.991.915.545
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	80.717.486.959	47.167.557.343	505.464.241	261.316.874	296.474.203	128.948.299.620
Tại ngày cuối năm	74.524.499.999	37.781.774.782	1.193.937.782	95.519.861	28.087.895	113.623.810.319

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng





Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

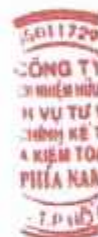
9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bầu quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	35.882.605.861	-	1.443.358.452	108.000.000	-	36.134.964.313
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	6.764.909.723	-	-	-	-	6.764.909.723
- Thanh lý, nhượng bán	6.764.909.723	-	-	-	-	6.764.909.723
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	29.117.696.138	-	1.443.358.452	108.000.000	-	29.370.054.590
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	1.443.358.452	108.000.000	-	252.358.452
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	1.443.358.452	108.000.000	-	252.358.452
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	35.882.605.861	-	-	-	-	35.882.605.861
Tại ngày cuối năm	29.117.696.138	-	-	-	-	29.117.696.138

Giải thích:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

252.358.452



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn,
huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngắn hạn

- CCDC xuất dùng

Cộng

Dài hạn

- Chi phí bảo hiểm xe, nhà xưởng, hàng hóa

- CCDC xuất dùng

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	210.538.643	-
	210.538.643	-
	51.311.007	327.740.857
	15.134.849	-
	66.445.856	327.740.857

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

II. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**II.1. Vay ngân hàng**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngân hàng bằng Việt Nam đồng	88.069.590.580	88.069.590.580	-	14.720.000.000	102.789.590.580	102.789.590.580
Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng	41.670.000.000	41.670.000.000	-	1.950.000.000	43.620.000.000	43.620.000.000
CN Ngân Hàng Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	46.399.590.580	46.399.590.580	-	12.770.000.000	59.169.590.580	59.169.590.580
- Vay ngân hàng bằng ngoại tệ	403.959.455.115	403.959.455.115	441.064.308.631	544.107.598.158	507.002.684.642	507.002.684.642
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Sóc Trăng (USD)	14.659.121.000	14.659.125.000	205.625.239.269	274.930.403.400	83.964.289.140	83.964.289.140
Ngân Hàng NN & PT Nông thôn (USD)	332.429.662.500	332.429.662.500	234.397.229.095	212.681.764.615	310.714.198.020	310.714.198.020
Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng (USD)	56.870.667.615	56.870.667.615	1.041.840.276	10.658.059.041	66.486.916.380	66.486.916.380
Ngân Hàng TMCP Đại Chúng - CN Cần Thơ (USD)	-	-	-	45.837.281.102	45.837.281.102	45.837.281.102
- Vay đối tượng khác	5.400.000.000	5.400.000.000	11.786.066.507	21.950.000.000	15.563.933.493	15.563.933.493
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	5.400.000.000	5.400.000.000	-	1.000.000.000	6.400.000.000	6.400.000.000
Nguyễn Kim Hồng Đào	-	-	11.786.066.507	14.250.000.000	2.463.933.493	2.463.933.493
Nguyễn Triệu Dũng	-	-	-	6.700.000.000	6.700.000.000	6.700.000.000
Cộng	497.429.045.695	497.429.045.695	452.850.375.138	580.777.538.158	625.356.208.715	625.356.208.715



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2018

Chú thích các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:		Đơn vị tính: VND		
Số ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Hình thức đảm bảo khoản vay		
	Thời hạn vay	Lãi suất		
		Số cuối năm		
Hợp đồng số 125/NHTMCPNT.ST ngày 10/05/2012	Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng	Theo từng khế ước nhưng không quá 12 tháng	41.670.000.000	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng số 04/2011/HDXKHM - NHPT PC ngày 08/04/2011	CN Ngân Hàng Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	Theo từng khế ước nhưng không quá 12 tháng	46.399.590.580	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng số 152/2018/677914/HĐTD ngày 31/07/2018	Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Sóc Trăng (USD)	Theo từng khế ước nhưng không quá 12 tháng	14.659.125.000	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng số 19/02/2015	Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn (USD)	Theo từng khế ước nhưng không quá 12 tháng	284.261.475.000	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng số 411/HĐTD ngày 29/03/2018, 618/HĐTD ngày 26/04/2018, 1054/HĐTD ngày 07/08/2018	Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn (USD)	Theo từng khế ước nhưng không quá 12 tháng	48.168.187.500	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng số 164/NHTMCPNT.ST ngày 04/05/2011	Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng (USD)	Theo từng khế ước nhưng không quá 12 tháng	56.870.667.615	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng số 01/HĐVV/PVCL-UTXI/2017 ngày 02/11/2017	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	12 tháng	5.400.000.000	Tin chấp
			497.429.045.695	





Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

11.2. Vay dài	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngân hàng bằng Việt Nam Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Sóc Trăng	51.759.000.000	51.759.000.000		7.875.000.000	59.634.000.000	59.634.000.000
- Vay đối tượng khác Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long Nguyễn Triệu Đồng Nguyễn Kim Hồng Hạnh Trinh Sương	46.379.800.000 20.719.800.000 1.760.000.000 1.500.000.000 22.400.000.000	46.379.800.000 20.719.800.000 1.760.000.000 1.500.000.000 22.400.000.000	136.569.800.000 20.719.800.000 19.250.000.000 1.500.000.000 95.100.000.000	96.190.000.000 - 17.490.000.000 - 72.700.000.000	- - - - -	- - - - -
Cộng	98.138.800.000	98.138.800.000	136.569.800.000	98.065.000.000	59.634.000.000	59.634.000.000

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng số 428/HĐTD ngày 05/03/2013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Sóc Trăng	60 tháng	Theo từng khế ước	51.759.000.000	Cầm cố, thế chấp
Hợp đồng số 01/HĐVV/PVCL-UTX/2018 ngày 31/03/2018	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	24 tháng	12,0%	20.719.800.000	Tin chấp
Hợp đồng số 03/HĐVV.UX18 ngày 21/08/2018	Nguyễn Triệu Đồng	24 tháng	10,0%	1.760.000.000	Tin chấp
Hợp đồng ngày 12/12/2018	Nguyễn Kim Hồng Hạnh	24 tháng	11,0%	1.500.000.000	Tin chấp
Hợp đồng số 05/HĐVV.UX18 ngày 07/12/2018 và hợp đồng số 06/HĐVV.UX18 ngày 19/12/2018	Trinh Sương	24 tháng	12,0%	22.400.000.000	Tin chấp
Cộng				98.138.800.000	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH MTV Vy Khang	786.525.509	786.525.509	951.757.037	951.757.037
- Ocean Road Co.,LTD	5.531.424.240	5.531.424.240	22.547.875.198	22.547.875.198
- Công ty TNHH Bán buôn Thủy sản Đại Phú Xuân	55.682.934.250	55.682.934.250	3.952.783.856	3.952.783.856
- Công ty TNHH Hải sản Minh Tiến	-	-	12.305.740.337	12.305.740.337
- Công ty TNHH TM&VT Sơn Vinh	1.644.500.000	1.644.500.000	3.374.470.000	3.374.470.000
- Công ty TNHH Hùm Phát	-	-	1.084.150.780	1.084.150.780
- Maruichi Corporation	-	-	-	-
- Nguyễn Thị Thanh Thủy	2.797.840.511	2.797.840.511	-	-
- CÔNG TY TNHH MTV THỦY SẢN CHÂU BÀ THẢO	749.069.554	749.069.554	-	-
- Các đối tượng khác	12.521.376.934	12.521.376.934	15.253.626.749	15.253.626.749
Cộng	79.713.670.998	79.713.670.998	59.470.403.957	59.470.403.957

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
13.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.146.317.678	1.146.317.678	-
+ <i>Đã khấu trừ</i>	-	<i>1.146.317.678</i>	<i>1.146.317.678</i>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.819.908.104	-	-	2.819.908.104
Thuế thu nhập cá nhân	10.054.000	1.638.500	10.917.500	775.000
Thuế tài nguyên	-	37.972.000	32.924.000	5.048.000
Thuế khác	124.085.783	25.219.200	22.079.500	127.225.483
Cộng	2.954.047.887	1.173.175.378	1.179.314.678	2.952.956.587
13.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế nhập khẩu	164.436.473	37.339.046	14.390.210	187.385.309
Cộng	164.436.473	37.339.046	14.390.210	187.385.309

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
- Lãi vay	149.410.192.464	98.223.693.916
Cộng	<u>149.410.192.464</u>	<u>- 98.223.693.916</u>

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
- KPCĐ	20.066.570	52.889.238.100
- BHXH, BHYT, BHTN	139.545	1.995.334.318
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	4.807.048.795	4.807.048.795
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.555.709.755	1.660.209.755
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển	5.800.000.000	-
Đò thị Dầu khí Cửu Long		
+ Công ty TNHH Xây dựng và	13.600.000.000	-
Thương mại Tài Lực		
+ Các đối tượng khác	1.155.709.755	1.660.209.755
Cộng	<u>25.382.964.665</u>	<u>8.515.460.618</u>

**Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	354.000.000.000	484.047.273	(320.000)	6.705.318.147	(62.409.136.529)	298.779.908.891
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	7.048.042.021	7.048.042.021
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	312.000.000	312.000.000
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	(1.179.060.894)	(1.179.060.894)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	589.530.447	(589.530.447)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước (Số dư đầu năm nay)	354.000.000.000	484.047.273	(320.000)	7.294.848.594	(56.817.685.849)	304.960.890.018
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	4.765.068.923	4.765.068.923
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	-	-	(704.804.202)	(704.804.202)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	-	352.402.101	(352.402.101)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(38.031.782)	(38.031.782)
Số dư cuối năm	354.000.000.000	484.047.273	(320.000)	7.647.250.695	(53.147.855.011)	308.983.122.957

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Nguyễn Hoàng Nhà	79.730.860.000	79.730.860.000
- Ông Nguyễn Triệu Đồng	71.160.000.000	71.160.000.000
- Ông Nguyễn Hoàng Phương	53.294.110.000	35.400.000.000
- Công ty CP ĐT Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)	24.000.000.000	24.000.000.000
- Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CT CP (PVFCCo)	24.000.000.000	24.000.000.000
- Trần Thị Thùy Liên	17.894.110.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh REE	-	17.894.110.000
- Vốn góp của các cổ đông là cá nhân khác	83.920.920.000	101.815.030.000
Cộng	354.000.000.000	354.000.000.000

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	354.000.000.000	354.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

16.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.400.000	35.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.400.000	35.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	35.400.000	35.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	32	32
+ Cổ phiếu phổ thông	32	32
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.399.968	35.399.968
+ Cổ phiếu phổ thông	35.399.968	35.399.968
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	7.647.250.695	7.294.848.594

17 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	3.299,18	4.380,39
- EUR	175,58	186,50
- AUD	237,47	237,47
- JPY	279.216	280.668

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	896.979.539.409	955.026.500.717
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.747.832.725	5.070.599.256
- Doanh thu khác (vỏ tôm)	294.291.985	330.750.561
Cộng	900.021.664.119	960.427.850.534

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	2.393.464.360	56.885.494.000
Cộng	2.393.464.360	56.885.494.000

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn thành phẩm đã bán	759.032.322.512	785.981.848.041
Cộng	759.032.322.512	785.981.848.041

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.605.350	1.019.282
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.562.006.844	916.700.947
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.419.631.324
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.583.770	26.704.955
Cộng	3.588.195.964	2.364.056.508

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	63.722.017.765	53.153.733.847
- Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	94.001.160	552.026.420
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.020.892.407	3.656.875.989
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.168.825.265	-
Cộng	77.005.736.597	57.362.636.256

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

6. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Thu từ bán phế liệu và thu nhập khác
- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	100.000.000
811.581.228	712.782.831
4.000	-
811.585.228	812.782.831

7. CHI PHÍ KHÁC

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các khoản bị phạt

Cộng

Năm nay	Năm trước
550.742.814	-
258.336.992	274.646.286
809.079.806	274.646.286

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**8.1. Chi phí bán hàng**

- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các khoản chi phí bán hàng khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
403.896.431	467.227.793
4.672.386.692	2.047.615.278
1.483.403.720	1.520.591.126
21.392.330.825	24.226.586.365
20.133.810.400	17.132.748.149
48.085.828.068	45.394.768.561

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu
- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Thuế, phí, lệ phí
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

185.549.610	-
304.511.769	289.030.827
6.464.251.539	1.687.844.948
795.677.802	810.339.395
2.229.396.756	-
84.785.302	-
687.490.491	-
(2.810.238)	-
1.581.092.014	7.870.038.872
12.329.945.045	10.657.254.042

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
821.983.060.589	697.733.136.986
62.486.476.802	52.937.557.011
1.428.751.507	2.282.606.876
16.505.207.483	22.911.879.167
44.030.876.211	59.921.557.790
22.401.889.607	1.469.030.142
968.836.262.199	837.255.767.972

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Cộng	-	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:</i>		
	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.765.068.923	7.048.042.021
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	4.048.308.161	653.254.232
<i>Chi phí không hợp lý</i>	312.338.564	322.641.806
<i>CLTG chưa thực hiện (tiền, phải thu)</i>	3.693.576.259	330.612.426
<i>CLTG chưa thực hiện năm 2017</i>	42.393.338	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	609.020.257	42.393.338
<i>CLTG chưa thực hiện (tiền, phải thu)</i>	278.407.831	42.393.338
<i>CLTG chưa thực hiện năm 2017</i>	330.612.426	-
- Chuyển lỗ các năm trước	8.204.356.827	7.658.902.915
- Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (thuế suất 20%)	-	-
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.765.068.923	7.048.042.021

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.765.068.923	7.048.042.021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	704.804.202
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.399.968	35.399.968
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	135	179

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.765.068.923	7.048.042.021
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	704.804.202
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	35.399.968	35.399.968
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	135	179

(*) Hồi tố theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Trong năm 2018, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 25/04/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần
Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không phát sinh
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không phát sinh
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	589.420.175.138
- Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	678.842.538.158

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những thông tin tài chính khác: không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có sự kiện phát sinh cần công bố sau ngày lập BCTC.
- Thông tin về các bên liên quan:

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Nguyễn Triệu Đông	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	Đồng Chủ tịch Hội đồng quản trị

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao, thưởng của HĐQT	215.500.000	294.000.000

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay
Nguyễn Triệu Đông	Vay	19.250.000.000
	Trả tiền vay	24.190.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	Vay	20.719.800.000
	Trả tiền vay	1.000.000.000
	Mượn tiền	7.800.000.000
	Trả tiền	2.000.000.000
	Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	646.027.580

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Triệu Đông	Tiền vay phải trả	1.760.000.000	6.700.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	Tiền vay phải trả	26.119.800.000	6.400.000.000
	Phải trả khác	5.800.000.000	-
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	921.580.000	921.580.000





Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

I. Thông tin về Báo cáo bộ phận:

Trong năm 2018, Công ty không lập báo cáo bộ phận (do không thỏa mãn điều kiện để lập báo cáo bộ phận).

ii. Quản lý rủi ro của Công ty:

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đa niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bồ, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia có vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng như cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	497.429.045.695	98.138.800.000	-	595.567.845.695
Phải trả người bán	79.713.670.998	-	-	79.713.670.998
Chi phí phải trả	149.410.192.464	-	-	149.410.192.464
Các khoản phải trả khác	25.382.964.665	-	-	25.382.964.665
Số đầu năm				
Vay và nợ	625.356.208.715	59.634.000.000	-	684.990.208.715
Phải trả người bán	59.470.403.957	-	-	59.470.403.957
Chi phí phải trả	98.223.693.916	-	-	98.223.693.916
Các khoản phải trả khác	8.515.460.618	-	-	8.515.460.618

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đảo hạn.

Tài sản đảm bảo

Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính này, Công ty đã sử dụng các tài sản đảm bảo để làm thế chấp cho các khoản vay và nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác cho các giao dịch của Công ty.

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.764.117.668	315.044.145	9.764.117.668	315.044.145
Phải thu khách hàng	265.161.091.966	247.945.176.387	265.161.091.966	247.945.176.387
Trả trước cho người bán	86.259.473.616	72.412.703.037	86.259.473.616	72.412.703.037
Các khoản phải thu khác	38.249.851.630	53.986.818.407	38.249.851.630	53.986.818.407
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	79.713.670.998	59.470.403.957	79.713.670.998	59.470.403.957
Người mua trả tiền trước		4.506.012.749		4.506.012.749
Vay và nợ	595.567.845.695	684.990.208.715	595.567.845.695	684.990.208.715
Phải trả người lao động	4.348.226.000	4.896.034.000	4.348.226.000	4.896.034.000
Chi phí phải trả	149.410.192.464	98.223.693.916	149.410.192.464	98.223.693.916
Các khoản phải trả khác	25.382.964.665	8.515.460.618	25.382.964.665	8.515.460.618

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
Số 24, đường tỉnh lộ 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện
Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. **Điều chỉnh trong Báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay:** không có
8. **Thông tin về hoạt động liên tục**
Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.
9. **Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Đỗ Thanh Nhơn

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2019


Lý Bích Quyền





V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:

1. Kiểm toán độc lập:

Tổ chức chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2018:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM



Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (+84)28-3820 5944; Fax: (+84)28-3820 5942;

Website: www.aascs.com.vn Email: info@aascs.com.vn

Xem chi tiết ý kiến của kiểm toán viên được trình bày ở mục IV báo cáo tài chính và chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

2. Kiểm toán nội bộ:

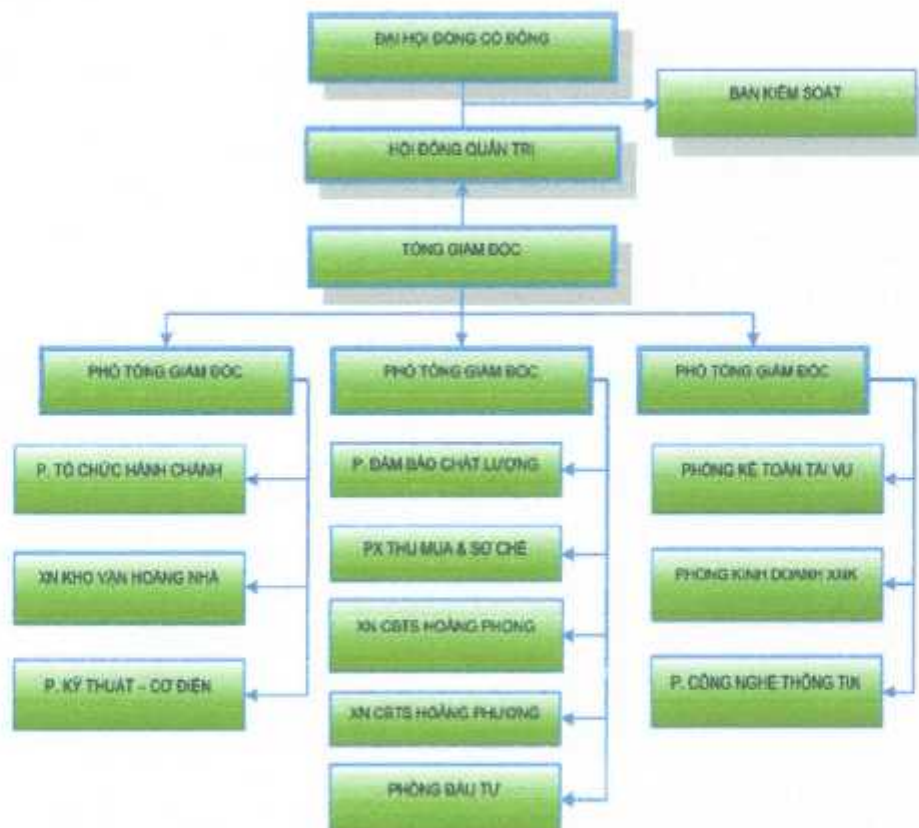
Kiểm toán viên nội bộ sau khi soát xét báo cáo tài chính do Phòng kế toán tài vụ lập gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 cũng như luồng tiền luân chuyển trong năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi cho năm tài chính 2018.

Sau khi tham khảo ý kiến của kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nội bộ Công ty chấp nhận toàn bộ báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi như trình bày ở mục IV.

VI. Các công ty có liên quan: Không.

VII. Tổ chức nhân sự:

Cơ cấu tổ chức:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Ban điều hành Công ty:**- Hội đồng quản trị:**

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ Học vấn	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Triệu Đông	Nam	1960	12/12	Sóc Trăng	CT.HDQT
2	Lý Bích Quyên	Nữ	1980	CN anh văn	Sóc Trăng	Thành viên
3	Trương Văn Phước	Nam	1959	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
4	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1972	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
5	Nguyễn Hoàng Nhã	Nam	1984	CN QTKD	Sóc Trăng	Thành viên
6	Trương Trúc Linh	Nam	1971	TC.QLNVGT	Bến Tre	Thành viên

- Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
1	Đào Trường Hận	Nam	1970	CN Kế toán QTri	Sóc Trăng	Trưởng ban
2	Lê Thanh Sơn	Nam	1959	Trung cấp pháp lý	Cần Thơ	Thành viên
3	Nguyễn Văn Lực	Nam	1973	Kỹ sư Chế biến TS	Sóc Trăng	Thành viên

- Ban Tổng giám đốc và kế toán trưởng:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
1	Lý Bích Quyên	Nữ	1980	CN anh văn	Sóc Trăng	Tổng giám đốc
2	Trương Văn Phước	Nam	1959	12/12	Sóc Trăng	P.Tổng giám đốc
3	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1972	12/12	Sóc Trăng	P.Tổng giám đốc
4	Nguyễn Hoàng Nhã	Nam	1984	CN.QTKD	Sóc Trăng	P.Tổng giám đốc
5	Đỗ Thành Nhơn	Nam	1978	Thạc sỹ TCNH	Cà Mau	Kế toán trưởng

*** Tóm tắt lý lịch các thành viên trong Ban điều hành, Ban Kiểm soát Công ty:****- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:**

Họ và tên: NGUYỄN TRIỆU ĐÔNG	
☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1960;
☞ Nơi sinh:	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	Số SL01-17 Đường số 11, Khu đô thị 5A, Phường 4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3660656;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	CEO do Đại học Kinh tế TP.HCM đào tạo
☞ Quá trình công tác:	- Năm 1980 – 1994: Tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ: Trưởng trạm thu mua của các huyện Long Mỹ, Thốt Nốt. -1994-02/2002: Phụ tiếp gia đình làm kinh doanh thủy sản. - T02/2002 - nay: Thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi, T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi;
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: LÝ BÍCH QUYÊN

☞ Giới tính:	Nữ;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1980;
☞ Nơi sinh:	Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	Số BD 01-03 Khu Dân cư Minh Châu, QL1A, Phường 7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng,
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3660565
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân anh văn
☞ Quá trình công tác:	Từ 2005 – nay: Công tác tại Công ty CP CBTS Út Xi
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Tổng giám đốc Công ty.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: TRƯƠNG VĂN PHƯỚC

☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1959;
☞ Nơi sinh:	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

☞ Địa chỉ thường trú:	Số 44 lô KTM 05 Đường số 6, Khu đô thị 5A, Phường 4, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3660565;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	CEO do Đại học Kinh tế TP.HCM đào tạo
☞ Quá trình công tác:	- Năm 1980 – 1994: Tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ là Cán bộ Trạm Giao dịch của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. - T02/2002 - nay: Cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty CP CBTS Út Xi
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Phó Tổng giám đốc Công ty.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG

☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1972;
☞ Nơi sinh:	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	Số BD 01-03 Khu Dân cư Minh Châu, QL1A, Phường 7, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng,
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3660565;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	CEO do Đại học Kinh tế TP.HCM đào tạo
☞ Quá trình công tác:	- Năm 1991 – 2001: Học phổ thông xong phụ giúp gia đình trong công tác kinh doanh của DNTN Út Xi. - T02/2002 – nay: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Phó Tổng giám đốc Công ty; phụ trách sản xuất.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG NHÃ	
↳ Giới tính:	Nam;
↳ Ngày tháng năm sinh:	1984;
↳ Nơi sinh:	Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
↳ Quốc tịch:	Việt Nam;
↳ Dân tộc:	Kinh;
↳ Địa chỉ thường trú:	BD 03 Khu Dân cư Minh Châu, QL1A, P.7, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
↳ Điện thoại liên lạc:	0299.3660565;
↳ Trình độ học vấn:	12/12
↳ Trình độ chuyên môn:	Cử nhân QTKD Trường Strayer University, Washington, D.C. Hoa Kỳ
↳ Quá trình công tác:	Từ tháng 02/2002 – đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi;
↳ Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi, phụ trách quan hệ khách hàng;
↳ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
↳ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: TRƯƠNG TRÚC LINH	
↳ Giới tính:	Nam;
↳ Ngày tháng năm sinh:	1971;
↳ Nơi sinh:	Xã Tân Thạnh, Châu Thành, Bến Tre;
↳ Quốc tịch:	Việt Nam;
↳ Dân tộc:	Kinh;
↳ Địa chỉ thường trú:	34/5 QL1A, khóm 5, P.2, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
↳ Điện thoại liên lạc:	0299.3660565;
↳ Trình độ học vấn:	12/12
↳ Trình độ chuyên môn:	Trung cấp quản lý nghiệp vụ giao thông
↳ Quá trình công tác:	- Năm 1991 – 2001: Học phổ thông xong phụ giúp gia đình trong công tác kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân Út Xi. - T02/2002 – nay: Làm việc tại Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã trực thuộc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
↳ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Phó giám đốc Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã;
↳ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
↳ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

- Ban kiểm soát:

Họ và tên: ĐÀO TRƯỜNG HẠN	
☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1970;
☞ Nơi sinh:	Thị xã Sóc Trăng;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	49 Nguyễn Văn Linh, Khóm 6, Phường 2, TP Sóc Trăng
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3852955;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	ĐH quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán quản trị;
☞ Quá trình công tác:	Từ năm 2003 cho đến nay công tác tại Công ty Cổ phần CBTS Út Xi qua các giai đoạn: - 01/2003-12/2003: Kế toán XN Khánh Lợi; - 01/2004-12/2005: Cán bộ Phòng Kế toán Công ty; - 01/2006-12/2008: Phụ trách Kế toán XN Hoàng Phương; - 01/2009 đến nay: Phó Giám đốc rồi Giám đốc Xi nghiệp Kho vận Hoàng Nhã, chi nhánh Công ty Út Xi.
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng Ban kiểm soát; Giám đốc Xi nghiệp Kho vận Hoàng Nhã, Chi nhánh Cty CP CBTS Út Xi.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: LÊ THANH SƠN	
☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	1959;
☞ Nơi sinh:	Thốt Nốt, Cần Thơ;
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	4/48 Huyện Thanh Quan, P. Thới Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3852955;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	Trung cấp pháp lý;
☞ Quá trình công tác:	- Năm 1977 – 1982: Đi bộ đội công tác ở tỉnh Kam Pông Chơ Năng, Campuchia;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

	<ul style="list-style-type: none"> - T10/1982: Phục viên về công tác ở Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ là Cán bộ Phòng Tổ chức hành chính Công ty. - Năm 1995: Xin nghỉ và về công tác tại địa phương; - Năm 2000 – 2002: Công tác tại Phòng Kế hoạch của Công ty Giày Cần Thơ; - T07/2002 – đến nay: Công tác tại Phòng Tổ chức sau chuyển sang phụ trách Phòng Đầu tư Công ty.
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát; Trưởng phòng Đầu tư Cty CP CBTS Út Xi.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

Họ và tên: NGUYỄN VĂN LỰC	
☞ Giới tính:	Nam;
☞ Ngày tháng năm sinh:	14/01/1973
☞ Nơi sinh:	Bà Rịa, Vũng Tàu.
☞ Quốc tịch:	Việt Nam;
☞ Dân tộc:	Kinh;
☞ Địa chỉ thường trú:	ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng
☞ Điện thoại liên lạc:	0299.3852955;
☞ Trình độ học vấn:	12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản.
☞ Quá trình công tác:	<p>Từ tháng 09/182 đến tháng 12/2001: công tác ở Trung tâm Khuyến ngư tỉnh Sóc Trăng.</p> <p>- Từ tháng 01/2002 đến nay công tác ở Công ty TNHH CBTS Út Xi nay là Công ty Cổ phần CBTS Út Xi.</p>
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát; Phó Trưởng phòng Đầu tư Công ty CP CBTS Út Xi.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

- Kế toán trưởng Công ty:

Họ và tên: ĐỖ THÀNH NHƠN	
☞ Giới tính:	- Nam
☞ Ngày tháng năm sinh:	- 08/10/1978
☞ Nơi sinh:	- Cà Mau

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

☞ Quốc tịch:	- Việt Nam
☞ Dân tộc:	- Kinh
☞ Địa chỉ thường trú:	- Ấp Tân Thành, Xã Tân Duyệt, Huyện Đầm Dơi, Cà Mau
☞ Điện thoại liên lạc:	- 02993.852955 (Ext: 8018) - 0918037150
☞ Trình độ học vấn:	- 12/12
☞ Trình độ chuyên môn:	- Thạc sĩ Tài Chính Ngân Hàng
☞ Quá trình công tác:	- Từ 11/2001 đến 10/2002 làm việc tại Công ty XNK Hữu Nghị - CN Cà Mau - Chức vụ Q. Kế toán trưởng - Từ 11/2002 đến nay làm việc tại công ty CP CBTS ÚT XI – Chức vụ Kế toán trưởng.
☞ Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng Cty CP CBTS Út Xi.
☞ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không;
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty:	Không;

- Quyền lợi Ban Tổng giám đốc: Ban Tổng giám đốc hưởng lương hàng tháng theo quy chế tiền lương của Công ty được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị và tiền thưởng được hưởng theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi quyết toán năm.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2018: 408 nhân sự, với trình độ chuyên môn như sau:

Stt	Phân theo trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trình độ đại học, trên đại học	45	11,02%
2	Trình độ trung cấp và tương đương	39	09,58%
3	Công nhân có tay nghề chế biến thủy sản	317	77,69%
4	Công nhân đang học nghề, thử việc	07	01,71%
Tổng cộng		408	100%

Chính sách đào tạo:

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hiểu được tầm quan trọng của mình đối với công việc, ý thức được công việc của mình từ đó tránh những động tác thừa, tăng năng suất lao động mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp. Công ty Út Xi thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo tại doanh nghiệp và bên ngoài như: tổ chức triển khai huấn luyện công nhân sản xuất các sản phẩm mới, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng: HACCP, ISO 9001: 2000, BRC (phiên bản 4), ISO 14001: 2004, ISO 22000:2005 v.v... Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ chuyên môn tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn bên ngoài nhằm hoàn thiện và cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn ngày một hiệu quả.

**Chính sách lương, thưởng**

Công ty luôn có chính sách đãi ngộ thông qua tiền lương, thưởng trả cho người lao động, nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thu nhập tương đối ổn định, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Công ty Út Xi trả lương theo sản phẩm làm ra căn cứ vào định mức khoán và hệ số tiền lương được công khai, luôn tạo sự công bằng cho người lao động; là động lực tạo tính cạnh tranh lành mạnh trong lao động sản xuất, qua đó lãnh đạo doanh nghiệp luôn chú trọng vào mức thu nhập tăng hơn theo từng năm. Mức thu nhập bình quân của người lao động qua 04 năm liền kê báo gồm:

Chỉ tiêu/ 01 lao động	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân/ tháng (VNĐ)	3.475.000	3.585.000	3.625.000	3.675.000

Ngoài những khoản thu nhập từ lương, Người lao động còn được Công ty bố trí nhà tập thể, và hỗ trợ tiền nhà trọ cho những lao động làm việc từ 01 năm trở lên, Công ty hỗ trợ một phiếu ăn trưa cho người lao động làm việc trong ngày.

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hiểu được tầm quan trọng của mình đối với công việc, ý thức được công việc của mình từ đó tránh những động tác thừa, tăng năng suất lao động mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

VIII. Thông tin cổ đông và Hội đồng quản trị:**Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được nêu ở mục VII, các thành viên không trực tiếp điều hành Công ty gồm:

- | | |
|----------------------|-------------------------------|
| 1. Nguyễn Triệu Dũng | Chủ tịch Hội đồng quản trị; |
| 2. Trương Trúc Linh | Thành viên Hội đồng quản trị; |
| 3. Đào Trường Hạn | Trưởng Ban kiểm soát, |
| 4. Lê Thanh Sơn | Thành viên Ban kiểm soát; |
| 5. Nguyễn Văn Lực | Thành viên Ban kiểm soát. |

• Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị của công ty gồm có 7 thành viên, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Các thành viên thực thi nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời, theo phương thức vì lợi ích cao nhất của công ty và Cổ đông. Từ tháng 07/2017 HĐQT chỉ còn lại 06 thành viên, do ông Nguyễn Thanh Tùng xin từ nhiệm thành viên HĐQT vì lý do gia cảnh.
- Trong năm 2018, HĐQT công ty tổ chức các cuộc họp thường kỳ và bất thường, để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý, sáu tháng, chín tháng, năm 2018. Nhằm điều chỉnh chính sách kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ chức năng của mình trong điều hành doanh nghiệp, tuân thủ pháp luật Nhà Nước, Điều lệ công ty và các nghị quyết đã ban hành, như:



+ Thông qua công tác phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020 theo cơ cấu mới; Phân tích, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018; Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện sản xuất kinh doanh đúng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

+ Xem xét và thông qua phương án sản xuất kinh doanh năm 2019;

+ Xem xét và thông qua phương án xin tái cấp hạn mức tín dụng ở các ngân hàng thương mại đang giao dịch với công ty;

+ Chỉ đạo ban điều hành và bộ phận công bố thông tin công bố kịp thời các sự kiện xảy ra ở công ty theo quy định.

Qua xem xét các biên bản cuộc họp, quá trình điều hành của HĐQT, Ban kiểm soát nhận thấy các quyết định của HĐQT đều hướng đến mục đích chung là mang lại lợi ích cho Công ty, đảm bảo vai trò định hướng phát triển của công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ Pháp luật Nhà Nước.

• **Hoạt động Ban Kiểm soát trong năm 2018:**

Ban kiểm soát có 3 thành viên, nhiệm kỳ 2015 – 2020 bao gồm:

1. Ông Đào Trường Hận - Trưởng ban;
2. Ông Lê Thanh Sơn - Thành viên;
3. Ông Nguyễn Văn Lực - Thành viên.

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho Cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát họp định kỳ một năm ba lần, để xem xét đánh giá hoạt động điều hành và xem xét mức độ tuân thủ của báo cáo tài chính Công ty, trước khi công bố ra bên ngoài.

- Căn cứ hoạt động năm 2018, Ban kiểm soát Công ty chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các qui định nêu trong Điều lệ Công ty và không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại nào từ Cổ đông có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát thực hiện công việc:

- Ban kiểm soát thực hiện vai trò của mình trong mọi hoạt động của công ty theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại điều lệ hoạt động của Công ty.

- Thực hiện công tác kiểm tra giám sát theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với Ban điều hành công ty. Thực hiện công tác thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo năm trước khi báo cáo ra thị trường chứng khoán và cổ đông.

- Kiểm tra giám sát chặt chẽ công tác công bố thông tin, đặc biệt là các thông tin về báo cáo tài chính quý, năm, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị, và các thông tin liên quan đến các thành viên HĐQT và những người có liên quan giao dịch cổ phiếu công ty.

- Sau đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát tổ chức công tác giám sát định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm cụ thể như sau:

*** Về hoạt động kinh doanh:**

- Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty, thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý;

- Giám sát việc thực hiện các quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

- Kiểm tra, giám sát tính pháp lý các giao dịch kinh tế, dân sự của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh.

*** Về hoạt động tài chính và đầu tư:**

- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, đầu tư, mua sắm tài sản, các vấn đề về cổ phần và các vấn đề khác có liên quan của Công ty;

- Thẩm tra báo cáo tài chính; phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ theo quy định của điều lệ;

- Giám sát các giao dịch kinh tế, dân sự liên quan đến lĩnh vực tài chính, đầu tư.

*** Về tổ chức nhân sự:**

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật lao động và các chế độ đối với người lao động của Công ty; - Kiểm tra, giám sát việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Ban Điều hành, Kế toán trưởng và người quản lý khác trong Công ty theo đúng luật định.

*** Các vấn đề khác:**

Theo Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Ban kiểm soát giám sát được Trưởng ban báo cáo lên Hội đồng quản trị trước khi trình cho Cổ đông. Trong năm 2018, Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp nào trong quản trị điều hành Công ty vi phạm Điều lệ Công ty và Pháp luật.

Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty:

Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
I. Hội đồng quản trị:			
1	Nguyễn Triệu Đông	Chủ tịch Hội đồng quản trị	48.000.000
2	Lý Bích Quyên	Thành viên Hội đồng quản trị	30.000.000
3	Trương Văn Phước	Thành viên Hội đồng quản trị	30.000.000
4	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	30.000.000
5	Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên Hội đồng quản trị	30.000.000
6	Trương Trúc Linh	Thành viên Hội đồng quản trị	30.000.000
7	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị (Do từ nhiệm từ tháng 8/ 2018)	17.500.000
Cộng:			215.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

Số 24, đường tỉnh 934, ấp Hà Bô, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

II. Ban kiểm soát:			
1	Đào Trường Hận	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000
2	Lê Thanh Sơn	Thành viên kiểm soát	18.000.000
3	Nguyễn Văn Lục	Thành viên kiểm soát	18.000.000
Cộng			66.000.000
Tổng cộng thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2018 =			281.500.000

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1. Nguyễn Triệu Đông	Chủ tịch HĐQT	7.116.000	20,10%
2. Lý Bích Quyên	Thành viên HĐQT	65.398	0,18%
3. Trương Văn Phước	Thành viên HĐQT	1.789.411	5,05%
4. Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	3.540.000	10,00%
5. Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên HĐQT	7.973.086	22,52%
6. Trương Trúc Linh	Thành viên HĐQT	2.160	0,01%
Tổng cộng:		20.486.055	57,87%

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT vẫn chiếm 57,87% tổng số cổ phần Công ty theo số liệu từ thời điểm tiến hành ĐHCĐTN năm 2018.

Thông tin giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan các đối tượng nói trên: Không.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi, do Hội đồng quản trị công ty lập và báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trên website Công ty theo Luật định.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (để báo cáo)
- Đăng CBTT trên website Cty: www.uxi.com.vn
- Lưu VP.

Sóc Trăng, ngày 06 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CP CBTS ÚT XI**CHỦ TỊCH HĐQT****NGUYỄN TRIỆU ĐÔNG**